TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/KDTM-ST
Ngày: 13 - 8 - 2024
V/v "Tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thuỷ.
2. Bà Trần Thị Ngọc Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Toà án, Toà án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2024/TLST-KDTM ngày 08 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 341/2024/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 133/2024/QĐHPT-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S.
Trụ sở: Số F ngách A, Ngõ A đường T, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Bà Nguyễn Lương Huỳnh Đ, sinh năm 1998 (Có mặt).
Địa chỉ: 8 B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 (Vắng mặt).
Trụ sở: 311 đường L, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật:
Ông Đỗ Huy Q, sinh năm 1984 (Vắng mặt).
Thường trú: I N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, bà Nguyễn Lương Hồng Đ1 đại diện theo quyền của nguyên đơn trình bày:

Tháng 9/2017, Công ty cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty S) và Công ty TNHH S1 (sau đây gọi tắt là Công ty S1) đồng ý hợp tác và phân phối sách cho Công ty S1 bán lẻ trên các kênh phân phối, sàn thương mại điện tử của Công ty S1.

Từ tháng 09/2017 đến trước ngày 01/01/2018, Công ty S1 đặt hàng thông qua email: kinhdoanh.songphat@gmail.comtới Công ty S. Công ty S chỉ đạo Chi nhánh Công ty S xác nhận và tiến hành giao hàng đầy đủ đến kho theo Công ty S1 chỉ định. Các lần giao nhận hàng Công ty S đều xuất trình Phiếu bán hàng kiêm xuất kho và được đại diện Công ty S1 ký nhận. Đồng thời, Công ty S đã xuất đầy đủ các Hóa đơn giá trị gia tăng tương ứng với các đơn hàng đã bán ra cho Công ty S1.

Ngày 01/01/2018, Công ty S uỷ quyền cho Chi nhánh Công ty S ký hợp đồng nguyên tắc với Công ty S1 với nội dung Chi nhánh Công ty S có nghĩa vụ giao hàng hóa đến các địa điểm chỉ định theo yêu cầu từ Công ty S1 và Công ty S1 có trách nhiệm thanh toán cho Chi nhánh Công ty S sau 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày nhận hàng.

Đồng thời, căn cứ theo Điều 9 Hợp đồng nguyên tắc thì: "*Hợp đồng nguyên tắc này có hiệu lực ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018. Trường hợp Hợp đồng đã hết hạn mà các bên chưa thực hiện gia hạn nhưng vẫn tự nguyện thực hiện việc ký gửi hàng hóa xem như hai bên thừa nhận việc gia hạn Hợp đồng này và cam kết sẽ thực hiện các nghĩa vụ của mình cho đến khi hai bên có văn bản chính thức chấm dứt Hợp đồng*.". Sau khi ký kết Hợp đồng nguyên tắc, Công ty S1 đã tiếp tục đặt hàng và nhận hàng từ Chi nhánh Công ty S; Tuy nhiên, đến tháng 08/2021, Công ty S1 đã ngừng việc đặt hàng và nhận hàng nêu trên.

Từ tháng 9/2017 đến tháng 8/2021, Chi nhánh Công ty S đã thực hiện giao tổng cộng 157 đơn hàng với tổng số tiền hàng là 20.183.234.920 đồng.

Công ty S đã đồng ý cấn trừ cho Công ty S1 tổng số tiền là 303.426.600 đồng, gồm hai khoản tiền: (1) Số tiền hàng Công ty S1 xuất trả lại cho Chi nhánh Công ty S là 259.598.900 đồng (căn cứ theo các Hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty S1); và (2) Số tiền thưởng chiết khấu thanh toán là 43.827.700 đồng (căn cứ theo các hóa đơn số 0007328, 0007329, 0007330 ngày 27/02/2019 của Chi nhánh Công ty S).

Tổng số tiền hàng hoá Công ty S1 phải thanh toán cho Công ty S là 19.879.808.320 đồng. Công ty S1 đã thanh toán cho Công ty S tổng số tiền là 17.006.594.832 đồng. Như vậy, số tiền hàng hoá mà Công ty S1 còn phải thanh toán cho Công ty S là 2.873.214.488 đồng.

Ngày 28/12/2022, Công ty S1 đã gửi đến Công ty S lịch thanh toán khoản nợ nêu trên (*căn cứ theo Thông báo về việc lịch thanh toán quá hạn Công ty CP S – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/12/2022*). Cụ thể:

"*Ngày thanh toán:*

+ Đợt 1: ngày 10/02/2023 – thanh toán 500.000.000 đồng

+ Đợt 2: ngày 28/02/2023 - thanh toán 500.000.000 đồng

+ Đợt 3: ngày 29/03/2023 - thanh toán 500.000.000 đồng

+ Đợt 4: ngày 29/04/2023 - thanh toán 500.000.000 đồng

+ Đợt 5: ngày 29/05/2023 - thanh toán 500.000.000 đồng

+ Đợt 6: ngày 29/06/2023 - thanh toán phần công nợ quá hạn còn lại…".

Tuy nhiên, Công ty S đã nhiều lần liên hệ Công ty S1 để yêu cầu Công ty Song Phát thanh toán khoản nợ trên nhưng Công ty S1 cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay Công ty S yêu cầu Toà án:

1. Buộc Công ty S1 phải thanh toán ngay cho Công ty cổ phần S số tiền mua bán hàng hoá còn thiếu là 2.873.213.488 đồng.

2. Buộc Công ty S1 phải thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày 23/11/2021 đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn đến Toà để mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn cũng như người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên toà sơ thẩm,

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Toà án buộc Công ty S1 phải trả số tiền mua bán hàng hoá còn thiếu là 2.873.213.488 đồng và trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 8,8%/năm từ ngày 21/3/2023 đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải và phiên toà mà không có lý do, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Toà án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đề nghị Toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán ngay số tiền mua hàng còn thiếu là 2.873.213.488 đồng và trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 8,8%/năm (Lãi suất quá hạn của Ngân hàng TMCP N, Ngân hàng TMCP Đ2 và Ngân hàng N1) từ ngày 21/3/2023 đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Tranh chấp giữa Công ty S và Công ty S1 là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua bán hàng hóa, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp trong kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa". Xét thấy, bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại Quận A, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên giao kết hợp đồng nguyên tắc ngày 01/01/2018, tại Thông báo về việc lịch thanh toán quá hạn của Công ty S1 ngày 28/12/2022 và Văn bản đề nghị thanh toán nợ quá hạn của Công ty S ngày 13/3/2023 với nội dung thời hạn yêu cầu Công ty S1 phải thanh toán theo cam kết trước ngày 20/3/2023. Tại Thông báo về lịch thanh toán Công ty S1 cam kết sẽ thanh toán đợt cuối cùng vào ngày 29/6/2023, tuy nhiên Công ty S1 không thực hiện từ đợt cam kết đầu tiên ngày 10/02/2023 cho đến nay. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu khởi kiện Công ty S1 phải trả số tiền mua bán hàng hoá còn thiếu là còn trong thời hạn khởi kiện theo luật định.

[1.3] Hiệu lực hợp đồng: Căn cứ theo Điều 9 Hợp đồng nguyên tắc quy định: "*Hợp đồng nguyên tắc này có hiệu lực ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018. Trường hợp Hợp đồng đã hết hạn mà các bên chưa thực hiện gia hạn nhưng vẫn tự nguyện thực hiện việc ký gửi hàng hóa xem như hai bên thừa nhận việc gia hạn Hợp đồng này và cam kết sẽ thực hiện các nghĩa vụ của mình cho đến khi hai bên có văn bản chính thức chấm dứt Hợp đồng*.". Như vậy, sau khi hết hạn hợp đồng vào ngày 31/12/2018 mặc dù các bên không gia hạn hợp đồng bằng văn bản, không ký thêm hợp đồng nguyên tắc nào khác nhưng các bên vẫn thực hiện việc giao dịch mua bán hàng hoá dựa trên các nội dung thoả thuận tại hợp đồng nguyên tắc đã ký ngày 01/01/2018. Do đó, Hợp đồng nguyên tắc ngày 01/01/2018 giữa Công ty S và Công ty S1 vẫn có hiệu lực pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[1.4] Xét, giấy ủy quyền ngày 26/02/2024 của Công ty S uỷ quyền cho bà Nguyễn Lương Huỳnh Đ tham gia tố tụng tại Toà án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Bị đơn Công ty S1 có ông Đỗ Huy Q là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán tiền mua hàng hóa: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thông báo về lịch thanh toán nợ quá hạn của Công ty S1 ngày 28/12/2022 và Văn bản đề nghị thanh toán nợ của Công ty S ngày 13/3/2023. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Toà và cũng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ khác để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện…mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*", do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Công ty S1 còn nợ Công ty S số tiền là 2.873.213.488 đồng ***(1).***

[2.2] Về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bên vi phạm khoản tiền lãi trên số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày quá hạn thanh toán theo Thông báo ngày 13/3/2023 từ ngày 21/3/2023 đến ngày Toà án xét xử vụ án (13/8/2024) là phù hợp với quy định của pháp luật. Về mức lãi suất: theo yêu cầu ban đầu của nguyên đơn, mức lãi 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tuy nhiên tại Toà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 8,8%/ năm là phù hợp với lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử và phù hợp với Điều 306 Luật Thương mại. Căn cứ xác minh của Tòa án và lãi suất quá hạn trung bình công bố trên trang WEB của ba ngân hàng (Ngân hàng TMCP Đ2, Ngân hàng TMCP N và Ngân hàng N1) thì lãi suất quá hạn cho vay trung bình trên thị trường là 8,8%/năm (tương đương với 0,024%/ngày) trên số tiền gốc của nguyên đơn chưa trả từ ngày 21/3/2023 đến ngày Toà đưa vụ án xét xử (ngày 13/8/2024), cụ thể: 2.873.213.488 đồng x 511 ngày x 0,024% = 352.370.902 đồng ***(2)***

Tổng cộng số tiền nợ mua bán hàng hoá và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ (1) và (2) của Công ty S1 phải trả cho Công ty S là: 2.873.213.488 đồng + 352.370.902 đồng = 3.225.584.390 đồng.

[2.3] Về thời hạn thanh toán: Bị đơn đã không thực hiện việc cam kết trả nợ theo đúng thỏa thuận, xét thấy việc kéo dài thời gian thanh toán gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại;

- Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Căn cứ Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 có trách nhiệm trả ngay cho Công ty cổ phần S số tiền là 3.225.584.390 (Ba tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi bốn nghìn, ba trăm chín mươi) đồng. Trong đó, số tiền mua bán hàng hóa là 2.873.213.488 (Hai tỷ, tám trăm bảy mươi ba triệu, hai trăm mười ba nghìn bốn trăm tám mươi tám) đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 352.370.902 (Ba trăm năm mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi nghìn, chín trăm linh hai) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mạiĐiều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại là 96.511.688 (Chín mươi sáu triệu, năm trăm mười một nghìn, sáu trăm tám mươi tám) đồng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 chịu.

H lại cho Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 51.203.416 (Năm mươi mốt triệu, hai trăm lẻ ba ngàn, bốn trăm mười sáu) đồng theo biên lai thu tiền số 0002203 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tuyên án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Lan